

# ĐỊA DANH Ê ĐÊ Ở TÂY NGUYÊN NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA

*Nguyễn Minh Hoạt\**

1. Địa danh là tên gọi những đối tượng địa lí tự nhiên và địa lí do con người kiến tạo. Nơi đó ẩn chứa nhiều giá trị ngôn ngữ, bản sắc văn hóa của một vùng đất, một tộc người trong từng thời kỳ lịch sử. Khi nghiên cứu địa danh tiếng Ê Đê, chúng tôi hoàn toàn chỉ xuất phát từ tư liệu của ngôn ngữ này chứ không phải từ quan niệm về địa danh trong tiếng Việt chung mà nghiên cứu. Điều đó có nghĩa là, tất cả những địa danh thuần Ê Đê, kiểu như: *buôn AMa Thuột, Krông Ana, Krông Bông, êa Tam, buôn Alê, buôn Trấp, êa Heo, chữ Kuế,...* được đưa vào nghiên cứu. Còn những địa danh có pha trộn tiếng Việt hoặc một ngôn ngữ khác: Hán Việt, Mơ Nông, ... khi định danh, kiểu: *thành phố Buôn Ma Thuột, sông Krông Ana, xã Buôn Trấp, xã Chữ Mta, huyện Êa Hleo, suối Êa Hleo, tỉnh Dak Lăk...* không được chúng tôi bàn đến trong phạm vi bài viết.

Theo số liệu điều tra từ công trình [Trần Văn Dũng, 2005: 108 -109] trên địa bàn tỉnh Dak Lăk (nay là hai tỉnh Dak Lăk và Đắk Nông):

Địa danh được đặt bằng ngôn ngữ bản địa chiếm một tỉ lệ rất lớn (2.349/5.191, chiếm 45,25%). Các địa danh này đại bộ phận là các đối tượng tự nhiên và đối tượng địa lí cư trú. Các địa danh chỉ công trình xây dựng chủ yếu là do sự chuyển hóa từ hai loại địa danh trên...

Trong số 1.513 địa danh chỉ các đối tượng địa lí tự nhiên có 1.060 địa danh đặt bằng ngôn ngữ bản địa (70%). Các địa danh này chủ yếu thuộc ngôn ngữ Ê Đê (725 địa danh, 48%); thuộc ngôn ngữ Mơ Nông (326 địa danh, 21,5%) và 9 địa danh đặt bằng ngôn ngữ Jrai, K'ho...

Trong số 2.402 địa danh chỉ các đối tượng địa lí cư trú, có 781 địa danh được đặt bằng ngôn ngữ bản địa (chủ yếu là ngôn ngữ Ê Đê và Mơ Nông).

Như vậy, địa danh tiếng Ê Đê trên địa bàn hai tỉnh Dak Lăk và Đắk Nông có số lượng lớn, và có những đặc điểm về cấu tạo, đặc điểm định danh. Đồng thời qua địa danh phản ánh những đặc trưng văn hóa độc đáo của người Ê Đê.

---

\* TS., Trường Đại học Tây Nguyên.

2. Mô hình cấu tạo của địa danh tiếng Ê Đê trên địa bàn Dak Lăk cũng có những đặc điểm chung của mô hình cấu tạo địa danh chung ở các khu vực khác. Điều đó có nghĩa là địa danh ở ngôn ngữ này cũng có một cấu trúc phức thể bao gồm hai thành tố: thành tố đứng trước gọi là thành tố chung (A) chứa đựng thông tin về loại hình của đối tượng (sông, núi, thôn, buôn,...) và thành tố đứng sau gọi là thành tố riêng (B). Đó là tên riêng chứa đựng thông tin về đặc điểm riêng của đối tượng hoặc những ý nghĩa mà chủ thể đặt tên gửi gắm.

**Thành tố chung (A)**, có các tên chung địa danh, như: *chũ* (núi), *éa* (suối), *krông* (sông), *chôar* (bãi), *buôn* (buôn)... có chức năng gọi tên và chỉ một lớp sự vật, đối tượng cùng thuộc tính. Thành tố chung này, vừa mang ý nghĩa về mặt hình thức, tạo nên chính thể của phức thể địa danh vừa mang ý nghĩa về mặt nội dung, xác định loại hình của đối tượng được gọi tên. Mỗi bộ phận thành tố trong phức thể địa danh tiếng Ê Đê có vai trò, chức năng riêng biệt: thành tố A giúp ta nhận biết loại hình của đối tượng địa lý; thành tố B có chức năng khu biệt đối tượng. Mỗi quan hệ giữa thành tố A và thành tố B là quan hệ giữa cái được hạn định (A) và cái hạn định (B); nghĩa là A biểu thị một loạt đối tượng có cùng thuộc tính, còn B được dùng để chỉ những đối tượng cụ thể, được xác định trong lớp đối tượng mà thành tố A đã chứa. Ví dụ: thành tố A của loại địa danh chỉ yếu tố địa hình tự nhiên, như:

Địa danh có thành tố chung (A) là *éa* (nước), như: *éa H'Leo*, *éa Súp*, *éa Kar*, *éa Nươl*, *éa Tu*, *éa Kao*, *éa Sôl*, *éa Khan*, *éa Nam*, *éa Blang*, *éa Toh*, *éa Tam*...

Địa danh có thành tố chung (A) là *krông* (sông), như: *krông Bũk*, *krông Ana*, *krông Bông*, *krông Hnăng*, *krông Paç*, *krông Knô*, *krông Jing*...

Địa danh có thành tố chung (A) là *chũ* (núi), như: *chũ Jút*, *chũ Kuếñ*, *chũ Mgar*, *chũ Sué*, *chũ Ni*, *chũ Jiang*, *chũ Mta*, *chũ Kruã*, *chũ Kti*...

Số lượng các địa danh tự nhiên có các yếu tố *éa*, *chũ*, *krông* ở vị trí thứ nhất rất nhiều. Điều đó phản ánh một thực tế là: Những đặc điểm sinh thái như "nước", "sông", "núi" đã được người Ê Đê chú ý đặc biệt, và tên của chúng (sự vật ở trong một vùng đất) đã được dùng để gọi cho cả vùng đất.

Người dân thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và người Ê Đê ở Dak Lăk nói riêng coi nguồn nước là rất quan trọng. Vì thế, họ thường chọn địa điểm gần nước để định cư. Vị trí đặt *buôn* thường ở trên một địa điểm cao ráo, thoáng mát để tránh thú dữ và đảm bảo vệ sinh, đó là trên một quả đồi, đầu nguồn nước. Vì vậy, các địa danh của đồng bào Ê Đê, phần lớn có thành tố chung là *éa*, *krông*, *chũ*,... Hầu hết danh từ chung chỉ các đối tượng tự nhiên đều là những từ chỉ *sông*, *suối*, *núi*, *đồi*, *rừng*... là đối tượng xuất hiện sớm nhất trong các loại đối tượng địa lý ở vùng này, bởi vì chúng là những đối tượng đã được định hình trước khi có tỉnh Dak Lăk.

Tùy vào tên gọi loại hình của các địa danh mà thành tố A hoặc B có số lượng các âm tiết nhiều hay ít. Tuy vậy, khuynh hướng thành tố chung (A) có một yếu tố thường chiếm tỉ lệ cao và phổ biến trong tiếng Ê Đê. Chẳng hạn: trong số các địa danh ở đây, thành tố A có một âm tiết như: *chũ, củôr, dliê, êa, krông, drai...*; nhưng A bao gồm hai âm tiết là không thấy. Còn thành tố B hai âm tiết, kiểu như: *Trôk Sum* trong *chũ Trôk Sum*, *củôr Hdăng* trong *buôn Củôr Hdăng*, *Dliê Yang* trong *chũ Diê Yang* cũng có số lượng khiêm tốn và hạn chế. Trong bản thân thành tố phụ B mà có hai yếu tố thì yếu tố đi sau là yếu tố phụ bổ nghĩa cho yếu tố chính.

Trong hệ thống địa danh tiếng Ê Đê ở Dak Lăk cũng xảy ra hiện tượng *chuyển hóa của thành tố chung*. Đó là sự hoán đổi chức năng của thành tố A sang thành tố B và trước B có một thành tố A mới để tạo ra một địa danh mới, như: *củôr* (A) trong *chũ Hdăng*, sang một bộ phận của thành tố B, như: *Củôr Hdăng* (B) trong *buôn Củôr Hdăng*. Hiện tượng chuyển hóa cũng là phương thức chuyển một địa danh này thành một hoặc nhiều địa danh khác hoặc lấy tên của đối tượng địa lí này để gọi một đối tượng địa lí khác. Trong quá trình chuyển hóa, địa danh mới có thể giữ nguyên dạng của địa danh cũ hoặc thêm yếu tố mới. Sau khi chuyển hóa, địa danh cũ có thể mất đi hoặc cùng tồn tại với địa danh mới. Phương thức chuyển hóa có các dạng sau:

- Chuyển hóa trong một loại địa danh, như: Chuyển hóa trong nội bộ địa danh chỉ đối tượng tự nhiên. Ví dụ: *dliê Yang* (rừng Thần) - *chũ Dliê Yang* (núi Rừng Thần); *êa Tiêu* (suối Tiêu) - *ho Êa Tiêu* (hồ Suối Tiêu)... hay chuyển hóa trong nội bộ địa danh chỉ đối tượng cư trú, như: *buôn Đôn* (buôn Đôn) - *kriêk ăar Buôn Đôn* (huyện Biên Đôn); *buôn Trăp* (buôn Trăp) - *buôn prông Buôn Trăp* (thị trấn Buôn Trăp)...

- Chuyển hóa từ loại địa danh này sang địa danh khác, như chuyển hóa từ địa danh chỉ đối tượng tự nhiên sang địa danh chỉ đối tượng nơi cư trú, như: *êa Tiêu* (suối Êa Tiêu) - *buôn hũm Êa Tiêu* (xã Êa Tiêu); *êa Drông* (suối Drông) - *buôn hũm Êa Drông* (xã Êa Drông); *krông Bông* (sông Bông) - *kriêk ăar Krông Bông* (huyện Krông Bông)... hay chuyển hóa từ địa danh cư trú sang địa danh các công trình xây dựng, như: *buôn Yao* (buôn Yao) - *kpan Buôn Yao* (cầu Buôn Yao); *buôn Êa Tam* (buôn Êa Tam) - *kpan Êa Tam* (cầu Êa Tam)...

*Phương thức chuyển hóa trong địa danh tiếng Ê Đê là phương thức tiêu biểu, mang tính đặc trưng của địa danh khu vực, là điểm đáng quan tâm khi đề cập đến sự đa dạng, phong phú về mối tương liên giữa các bộ phận trong cấu trúc địa danh tiếng Ê Đê. Đồng thời biểu hiện mối quan hệ tương giao giữa vạn vật và giữa con người với vạn vật. Phương thức chuyển hóa trong địa danh, nó cũng biểu hiện nét đặc sắc văn hóa địa danh ở Dak Lăk - Dak Nông nói riêng.*

\* Một số điểm lưu ý trong phương thức chuyển hóa địa danh tiếng Ê Đê:

- Nhiều địa danh chỉ một đối tượng tự nhiên được chuyển hóa sang nhiều địa danh khác, như: *Êa Tam* (suối Tam) - *buôn Êa Tam* (buôn Êa Tam) - *kpan Êa Tam* (cầu Êa Tam) - *sang mnia Êa Tam* (chợ Êa Tam); *buôn Trăp* (buôn Trăp) - *tuơ phũn kdriêk Buôn Trăp* (thị trấn Buôn Trăp) - *kpan Buôn Trăp* (cầu Buôn Trăp) - *sang mnia Buôn Trăp* (chợ Buôn Trăp)...

- Trong dạng chuyển hóa từ địa danh này sang địa danh khác, thì dạng chuyển hóa từ địa danh chỉ đối tượng tự nhiên sang các loại địa danh khác chiếm tỉ lệ lớn nhất. Kết quả khảo sát trong công trình [Trần Văn Dũng, 2005: 74 - 75] cho thấy: “Trong số 2.402 địa danh cư trú ở Dak Lăk, có 297 (đạt 12,32% - chúng tôi chỉ thêm) địa danh được tạo ra do quá trình chuyển hóa từ địa danh tự nhiên sang” .. Tác giả cũng cho rằng: Trong số 1.276 địa danh chỉ công trình xây dựng ở Dak Lăk thì có 359 (đạt 29,18%) địa danh là hệ quả của sự chuyển hóa từ địa danh tự nhiên.

Các hình thức chuyển hóa thường lấy địa danh chỉ đối tượng tự nhiên làm địa danh gốc như: núi, suối, sông, dốc, đồi... nhiều nhất là suối và núi, đây cũng là hai đối tượng gần gũi với cuộc sống của con người ở Tây Nguyên. Phần lớn các hình thức chuyển hóa diễn ra ở các địa danh tiếng Ê Đê. Hình thức chuyển hóa này tạo nên sự đơn giản thuận tiện trong việc ghi nhớ, tri nhận địa danh của con người trong cuộc sống. Đồng thời điều đó chứng tỏ rằng, người Ê Đê thường lấy thiên nhiên (sông, suối, rừng, đồi, núi làm trung tâm trong văn hóa đặt tên địa danh. Địa danh chỉ đối tượng tự nhiên tiếng Ê Đê không chỉ phản ánh không gian tự nhiên, nó trường cuộc sống ở địa bàn mà còn là cơ sở, là nguồn gốc hình thành các loại địa danh khác.

- Do tiếp xúc ngôn ngữ Ê Đê - Việt nên quá trình chuyển hóa địa danh, phần lớn các địa danh tiếng Ê Đê đã hòa trộn với tiếng Việt tạo nên những tổ hợp ngôn ngữ có hình thức kết hợp riêng. Các hình thức kết hợp này, không phải là kiểu kết hợp trong tiếng Ê Đê mà cũng không phải là kiểu tiếng Việt, mà là hình thức kết hợp trộn giữa tiếng Ê Đê và tiếng Việt, hay địa danh tiếng Ê Đê bị Việt hóa hoàn toàn. Quá trình này đã tạo nên những địa danh mới, khác với cơ sở định danh ban đầu. Những địa danh mới này được sử dụng trong giao dịch hành chính. Tuy nhiên nhiều địa danh dạng này viết và đọc chưa thống nhất. Chẳng hạn:

+ Chuyển hóa địa danh từ tiếng Ê Đê sang tiếng Việt đã thừa thành tổ chức tạo nên sự kết hợp ngôn ngữ mới, như: *krông Ana* (Ê Đê) - *sông Krông Ana* (Việt) - *êa Tam* (Ê Đê) - *suối Êa Tam* (Việt); *chữ Prao* (Ê Đê) - *núi Chư Prao* (Việt)...

Như vậy, một địa danh ở ngôn ngữ bản địa đã bao hàm thành tố A và thành tố B, khi chuyển sang cách dùng của người Việt, chỉ còn là thành tố B, vì người Việt

đã thêm một thành tố A của họ ở phía trước. "Sự 'thêm vào' một yếu tố có vẻ như thừa này lại có một ý nghĩa thực tiễn, vì ngày nay người ta lại lấy tên các con suối, ngọn núi, dòng sông,... ấy làm "tiêu điểm" để gọi tên các đối tượng khác như phường Êa Tam, huyện Krông Ana, lâm trường Krông Ana, huyện Krông Búk, huyện Êa H'Leo... Nếu không thêm các thành tố **suối, sông, xã, huyện, nông trường, lâm trường** phía trước thì sẽ không có cơ sở để phân biệt các đối tượng địa lí tự nhiên và đối tượng địa lí nhân văn" [Trần Văn Dũng, 2005: 87].

+ Chuyển hóa địa danh từ tiếng Ê Đê sang tiếng Việt đã tạo nên một địa danh khác với cơ sở định danh ban đầu, như: *krông H'Năng* (dòng sông gắn liền với câu chuyện cổ về nàng H'năng) - (*huyện*) *Krông Năng*, địa danh mới đã bỏ mất yếu tố H' làm mất cơ sở định danh ban đầu; *chữ Hlang* (đèo có nhiều cỏ tranh) - (*đèo*) *Hà Lan*... tương tự *chuôr Hdăng* (bãi đất dùng để đốt than) - *buôn Chu Đăng*...

+ Chuyển hóa địa danh từ tiếng Ê Đê sang tiếng Việt đã bị Việt hóa, như: *buôn AMa Thuôt* (buôn AMa Thuôt) - (*thành phố*) *Buôn Ma Thuôt* (thành phố Buôn Ma Thuôt); *buôn Hô* - (*thị xã*) *Buôn Hô*; *buôn Trăp* - (*thị trấn*) *Buôn Tráp*; *drai Leng Gung* - (*thác*) *Chuông*; *hô Tăi Prông* - (*hồ*) *Tai Phong*...

**Thành tố riêng (B)**, là tên riêng của địa danh, là thành phần cốt lõi trong phức thể của địa danh, có chức năng cá thể hóa và khu biệt đối tượng, hạn định cho thành tố chung. Thành tố riêng được cấu trúc bằng các từ, cụm từ dùng để gọi tên cho từng đối tượng địa lí với những đặc điểm riêng để phân biệt địa danh này với địa danh khác. Xét về mặt vị trí, thành tố riêng rất ổn định: luôn luôn và bao giờ cũng đứng sau thành tố chung. Chẳng hạn: *ktur* trong *êa Ktur* (suối Ktur), *trôk sum* trong *chữ Trôk Sum* (núi Trôk Sum), *ana* trong *krông Ana* (sông Ana), *tiêu* trong *êa Tiêu* (suối Tiêu),...

Địa danh nằm trong hệ thống tên riêng, hợp với các tên chung tạo nên vốn từ vựng trong đời sống và giao tiếp của con người. So với các tên chung, tên riêng mang tính cá biệt, ít chịu ảnh hưởng của các quy luật chung vốn tồn tại trong kết cấu từ vựng như các yếu tố "ngoại ngôn ngữ", "tính có lí do". Giống với thuật ngữ, tên riêng cũng có quan hệ một đối một giữa mặt biểu hiện (vỏ âm thanh) với mặt được biểu hiện (nội dung, đối tượng được phản ánh). Điểm khác nhau giữa tên riêng và thuật ngữ là ở chỗ: thuật ngữ mang nghĩa biểu niệm còn tên riêng mang ý nghĩa biểu vật (cá thể hóa đối tượng).

Chức năng cơ bản của tên riêng là chức năng định danh - xét trong quan hệ giao tiếp, để phân biệt đối tượng, tên riêng giúp ta tìm đến được *cái cụ thể* của đối

tượng. Ngoài chức năng định danh, tên riêng (đặc biệt là địa danh) còn "mang" trong nó thông tin phản ánh hiện thực, bảo lưu những sự kiện, tâm lí, văn hóa... trong cuộc sống:

Với quan điểm ngôn ngữ học, tên riêng tuy nhiều khi mang tính tùy tiện, rời rạc nhưng lại có tính hệ thống nếu vấn đề được xem xét từ góc độ văn hóa, lịch sử, địa lí,... nghĩa là, các vấn đề sẽ được nhìn nhận, được rút ra thông qua sự phản ánh của tên riêng. Các nhân tố bên trong ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp tác động đến quá trình định danh. Trong lúc đó, các nhân tố bên ngoài ngôn ngữ như: đặc điểm lịch sử, đặc điểm văn hoá, tâm lí xã hội, không khí chính trị,... cũng chi phối mạnh mẽ quá trình đó. Sự hội tụ của các nhân tố bên trong và bên ngoài ngôn ngữ tạo nên đặc điểm văn hóa của tên riêng, đặc biệt là tên riêng địa lí. Các nhân tố đó cũng chính là nguyên nhân của sự hình thành, tồn tại, thay đổi hoặc biến mất của địa danh.

Về đặc điểm cấu tạo của tên riêng (thành tố riêng) địa danh, có thể thấy:

- Thành tố riêng có cấu tạo đơn: *êa H'leo*, *êa Tiêu*, *krông Ana*, *chữ Kuếñ*, *chữ Jút*, *buôn Kram*, *buôn Kplơng*, *buôn Kniêr*... Xét về phương diện từ loại, trong thống kê của chúng tôi, thành tố B có cấu tạo đơn chỉ có các từ loại: *danh từ*, như: *H'Leo* (tên riêng chỉ người) trong *êa H'leo* (suối H'Leo), *jút* (cây trúc) trong *chữ Jút*, (núi Trúc), *kram* (cái vọt cá) trong *buôn Kram* (buôn Kram); *păng* (vách, phen) trong *chữ Păng* (núi Păng); *bũk* (tóc) trong *krông Bũk* (sông Tóc)...; hay *tính từ*, như: *knô* (đực) trong *krông Knô* (sông Đực), *ana* (cái) trong *krông Ana* (sông Cái), *kñir* (màu vàng) trong *êa Kñir* (con suối có nước màu vàng)... mà không thấy có *động từ*.

- Thành tố riêng có cấu tạo phức không có nhiều trong địa danh tiếng Ê Đê. Kết quả thống kê thành tố riêng cho thấy, các địa danh mà tên riêng có cấu tạo hai tiếng thường thấy ở địa danh chỉ nơi cư trú (buôn) là chủ yếu. Các trường hợp thành tố riêng gồm ba tiếng, kiểu như: *buôn Ama Thuôt*, *chữ Dliê Yang*, *hồ Krông Bũk*, *buôn Cươ Hđăng*... có không nhiều.

Tên riêng có cấu tạo phức thì quan hệ giữa các yếu tố của nó là quan hệ chính phụ. Ví dụ: *buôn Ama Thuôt*, *buôn Cươ Hđăng*, *buôn Êa Tam*, *chữ Dliê Yang*, *chữ Trôk Sum*,...

Từ những vấn đề đã trình bày ở trên, có thể xác định: *Địa danh nằm trong hệ thống tên riêng, kết hợp với các tên chung khi giao tiếp, tạo nên một phức thể địa danh*. Có thể khái quát mô hình về cấu trúc địa danh ở bảng sau:

**Mô hình cấu tạo địa danh tiếng Ê Đê**

Thành tố A (chung, được hạn định)	Thành tố B (riêng, hạn định)	Ví dụ
<i>cử</i>	<i>Kuếñ</i>	<i>cử Kuếñ</i>
<i>êa</i>	<i>H'Leo</i>	<i>êa H'Leo</i>
<i>krông</i>	<i>Ana</i>	<i>krông Ana</i>
<i>chuôr</i>	<i>Hdăng</i>	<i>chuôr Hdăng</i>
<i>buôn</i>	<i>Êa Tiêu</i>	<i>buôn Êa Tiêu</i>

Như vậy, địa danh là cứ liệu quan trọng về quá trình danh từ chung biến thành tên riêng hoặc một bộ phận của tên riêng trong vốn từ chung của người Ê Đê. Các thành tố chung chủ yếu là các danh từ chỉ các đối tượng tự nhiên, như: *cử* (núi), *dliê* (rừng), *êa* (suối), *krông* (sông), *drai* (thác), *chuôr* (bãi), *buôn* (buôn)...

Quá trình *riêng hóa* phụ thuộc vào tính đơn tiết và khả năng kết hợp của danh từ chung, nhưng trước hết phụ thuộc rất nhiều vào ý nghĩa của chúng. Sự chuyển hóa thành tố chung cũng là sự chuyển biến về ý nghĩa: nghĩa biểu thị thuộc tính của một lớp đối tượng chuyển sang nghĩa khu biệt - cá thể hóa đối tượng có cùng thuộc tính đó. Một nét đặc trưng trong hệ thống địa danh tiếng Ê Đê là sự chấp nhận một cách dễ dàng và nhanh chóng việc mượn địa danh các vùng, miền khác trong cả nước cũng như việc mượn nhân danh để đặt địa danh cho khu vực cư trú của mình.

Cấu trúc địa danh tiếng Ê Đê khác với cấu trúc địa danh tiếng Việt. Nếu như thành tố chung (A) và thành tố riêng (B) trong địa danh tiếng Ê Đê có sự chuyển hóa hoán đổi vị trí một cách linh hoạt trong cấu tạo địa danh thì địa danh trong tiếng Việt, mặc dù mỗi thành tố (A, B) đều có vị trí và chức năng riêng, song mối quan hệ giữa hai thành tố này là một mối quan hệ đặc biệt, khó có thể tách rời chúng trong một phức thể địa danh.

Phương thức cấu tạo địa danh tiếng Ê Đê đã phản ánh mối quan hệ giữa tiếng Ê Đê với tiếng Việt và tiếng Ê Đê với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số khác trên địa bàn. Quá trình hình thành và biến đổi địa danh đã góp phần tăng vốn từ vựng và hình thức biểu đạt trong các ngôn ngữ. Đó là việc sử dụng tối đa những yếu tố sẵn có của ngôn ngữ dân tộc mình, phát huy năng lực sản sinh của chúng cùng với việc vay mượn một cách có chọn lọc từ ngữ của các ngôn ngữ dân tộc anh em để làm giàu cho vốn từ ngữ dân tộc.

3. Xét về đặc điểm định danh (đặc điểm lựa chọn các đặc trưng để làm cơ sở định danh), chúng tôi khảo sát địa danh tiếng Ê Đê ở Dak Lăk, Đắk Nông từ

*phương thức tự tạo. “Địa danh ở Dak Lăk (hay rộng hơn là địa danh ở Tây Nguyên) cũng đều được ra đời trên cơ sở ba phương thức định danh phổ biến, đó là phương thức tự tạo, phương thức chuyển hóa và phương thức vay mượn” [Trần Văn Dũng, 2005: 65].*

*Phương thức tự tạo* là dựa vào đặc điểm, hình dáng, kích thước, vật liệu xây dựng, vị trí, chất liệu, thổ nhưỡng... của đối tượng địa lí hay lấy tên nhân vật, sự kiện lịch sử, truyền thuyết, tín ngưỡng... để đặt địa danh. Trong phương thức này, để đặt tên cho các đối tượng địa lí, người Ê Đê dựa vào lí do khách quan và lí do chủ quan. Chẳng hạn:

*\* Lí do khách quan:* các thành tố chung *chữ* (núi), *êa* (suối), *krông* (sông), *chuôr* (bãi)... kết hợp với những đặc điểm, hình dáng, kích thước, vật liệu xây dựng, vị trí, chất liệu, thổ nhưỡng... của đối tượng địa lí để tạo ra địa danh. Ví dụ:

- *Địa danh đặt theo tính chất:* *buôn Trăp* (buôn ở trên thế đất xưa kia là bùn lầy), *buôn Čuah* (buôn có nhiều cát), *krông Knô* (sông Đực), *krông Ana* (sông Cái), *drai Săp* (thác Khôi), *chữ Trôk Sum* (ngọn núi có nhiều thung lũng bị vùi lấp), *chuôr Hdăng* (*hdăng*: than củi - chỉ bãi đất rộng mà trước đây cư dân Ê Đê thường đốt than ở đó), *êa Kñir* (con suối có nước màu vàng)...

- *Địa danh đặt theo vị trí, hình dáng:* *buôn Kỗ Dhông* (buôn ở vị trí đầu nguồn nước hoặc vị trí tiền tiêu), *buôn Kdũn* (buôn ở sau, phía sau), *chữ Mgar* (núi - (thung lũng) có hình lòng chảo), *krông Bũk* (dòng sông như mái tóc của người con gái), *chữ Păng* (dãy núi có hình dáng như cái vách ngăn), *buôn Kram* (buôn/thôn mà hình dáng ban đầu của buôn như một cái vợt)...

- *Địa danh đặt theo sản vật tiêu biểu nơi vị trí của đối tượng địa lí:* *êa Kuêñ* (suối có nhiều vượn), *êa Tuôr* (suối ốc), *chữ Drang* (núi nhiều chim phượng hoàng), *chữ M'ô* (núi nhiều cây lồ ô), *buôn Alê* (buôn có nhiều tre), *chữ Ênun* (ngọn núi nằm giữa bầu Êa Hu và trời lên như một con chạch), *chữ Jũt* (núi có nhiều trúc)...

*\* Lí do chủ quan:* lấy tên nhân vật, sự kiện lịch sử, truyền thuyết,... hay dựa vào khát vọng tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng hoặc có nhu cầu giải thích một số hiện tượng trong thiên nhiên để đặt địa danh. Ví dụ:

- *Lấy tên nhân vật gắn với sự kiện, lịch sử, truyền thuyết ở địa bàn để đặt địa danh:* *buôn Ama Thuôt*, *buôn H'Dok*, *êlan Y Wang* (đường Y Wang), *êlan Ama Zhao*, *êlan Y Ngông*, *êlan Ama Khê*,... *dliê Yang Krông* (rừng gắn với truyền thuyết về thần sông), *krông H'Nang* (dòng sông gắn với câu chuyện cổ về nàng H'Nang), *êa H'Leo* (dòng suối gắn với câu chuyện cổ về nàng H'Leo anh dũng, thủy chung), *êa H'Nin* (lấy tên người con gái Ê Đê tên là H'Nin - đẹp người đẹp nét, trong truyện cổ người Ê Đê để đặt tên cho dòng suối), *krông Bũk* (sông - tóc) được gắn với câu



chuyện về tình yêu giữa hai chị em H'Rinh và H'Rao với Y Krông, con trai một vị thần sông. Tình yêu không thành (do kẻ dưới nước người trên cạn), chàng trai đã lấy nắm tóc (*bũk*) của hai cô gái làm kỷ vật. Từ đó dòng sông mang tên sông *Bũk*...

- *Địa danh đặt theo tín ngưỡng tôn giáo: chữ Yang Sin* (núi vị thần có tên là Sin), *chữ Yang Reh, chữ Yang Gri, chữ Yang Mao, chữ Dliê Yang, chữ Yang Siêng, chữ Dliê Yang* (núi thần - theo tín ngưỡng của người Ê Đê);...

Nhìn tổng thể về đặc điểm định danh tiếng Ê Đê, thành tố chung (A) thường không có lí do, còn thành tố riêng (B) thường có lí do. Chính đặc điểm này làm cho các địa danh tiếng Ê Đê có thể tìm được nguyên nhân và giải thích được nghĩa của chúng. Tuy nhiên, có rất nhiều địa danh tiếng Ê Đê trên địa bàn Dak Lăk chưa rõ lí do. Điều đó có thể giải thích rằng: Dak Lăk là một vùng đất có nhiều dân tộc sinh sống, mỗi dân tộc có tiếng nói, chữ viết riêng bên cạnh tiếng Việt. Vì vậy, qua mỗi thời kỳ lịch sử, các biến cố xã hội, tên gọi địa danh cũng như phiên âm chữ viết về địa danh bị biến đổi là lẽ đương nhiên.

Người dân Ê Đê ở Dak Lăk khi đặt tên cho các loại hình địa danh, họ ít quan tâm đến ý nghĩa của từ mà chỉ chú trọng đến đặc điểm riêng của đối tượng. Tính chất tên riêng đòi hỏi địa danh phải gắn với ý nghĩa nhất định nhằm cá thể hóa và khu biệt đối tượng. Thực tế cho thấy, đại bộ phận địa danh đều gắn với những đặc điểm địa lý, lịch sử, văn hóa của một vùng đất. Cho nên, tập hợp được những ý nghĩa có trong hệ thống địa danh ở một địa bàn có thể cung cấp những thông tin khái quát về nhiều lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ, lịch sử... của địa bàn đó. Chính vì vậy, một trong những giá trị to lớn của địa danh là phản ánh rõ nét hiện thực khách quan ở thời điểm và địa điểm nó ra đời. Địa danh ở Dak Lăk cũng để lại dấu ấn khá rõ nét về các mặt lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, văn hóa và ngôn ngữ trên địa bàn.

4. Dựa vào ý nghĩa của thành tố chung (A), có thể chia địa danh tiếng Ê Đê thành ba nhóm:

- Nhóm địa danh chỉ đối tượng tự nhiên có các thành tố chung (A), như: *chữ* (núi), *êa* (suối), *krông* (sông), *chuôr* (bãi), *dliê* (rừng), *kbuôn* (đồi), *kngur* (dốc), *êa nao* (hồ tự nhiên), *drai* (thác), *troh* (vực, thung lũng, khe)...

Các thành tố chung kết hợp với thành tố riêng tạo thành các địa danh như: *chữ Mgar, chữ Mta, chữ Jút, êa Tuôr, êa Tiêu, êa Tam, krông Ana, krông Bông, drai H'Ling, chuôr Hdăng, dliê Yang* ...

- Nhóm địa danh chỉ nơi cư trú có các thành tố chung (A) như: *buôn* (buôn), *buôn hũm* (xã), *kdriêk čar* (huyện), *buôn phũn kdriêk* (thị trấn), *buôn prông* (thành phố), *buôn phũn čar* (tỉnh)...

Các thành tố chung kết hợp với thành tố riêng tạo thành các địa danh như: *buôn Krông Jing, buôn Kplống, buôn hgũm Draï sãp, kdriêk ɔar Êa Kar, buôn phũn kdriêk Buôn Trăp, buôn phũn ɔar Dak Lăk...*

- Nhóm địa danh chỉ công trình xây dựng có các thành tố chung (A) như: *êlan* (đường), *mnũ lăn* (đập), *kpan* (cầu), *sang mnĩa* (chợ), *băng bi* (cổng)...

Các thành tố chung kết hợp với thành tố riêng tạo thành các địa danh như: *êlan Y Ngông, mnũ lăn Êa H'nin, kpan Êa Tam, sang mnĩa buôn A Ma Thuôt, băng bi Êa Knir...*

Trên địa bàn Dak Lăk, người Ê Đê là người dân bản địa đã cư trú từ thời xa xưa. Vùng đất rộng nhưng dân cư thưa thớt, số địa danh tiếng Ê Đê cũng bó hẹp trong tên gọi các đối tượng tự nhiên, núi rừng, sông, suối, ao hồ gắn liền với môi trường lao động săn bắt, hái lượm, chọc tĩa, quảng canh nương rẫy và chăn nuôi của người Ê Đê. Các địa danh chỉ nơi cư trú là các buôn làng, người Ê Đê sống quần tụ trong các khu vực gần bờ suối, dưới chân núi có những bãi đất rộng thích hợp với điều kiện sản xuất và sinh hoạt cộng đồng. Chính các địa danh chỉ tự nhiên, đơn vị hành chính “buôn” có yếu tố đầu là *ɔar, dliê, êa, krông, ɔuôr, drai...* đã phản ánh đặc điểm môi trường sinh thái, nơi cư trú ngay từ đời xưa của cư dân Ê Đê. Để thuận tiện cho công việc lao động, người dân đã duy trì sự sống và sinh tồn của họ gắn với núi rừng, sông suối, các bãi, các cánh rừng. Chính vì vậy, người Ê Đê có nhu cầu đặt tên cho địa danh thiên nhiên liên quan đến cuộc sống của họ, đánh dấu một thời kỳ sinh sống trước đây - cuộc sống săn bắt, hái lượm, trồng tĩa...

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi thấy có 100% các *địa danh chỉ đối tượng tự nhiên* trên địa bàn tỉnh Dak Lăk là tiếng Ê Đê. Điều đó chứng minh rằng, người Ê Đê đã có mặt rất sớm trên vùng đất này. Các địa danh là những địa chỉ, những “vật chuẩn” ổn định giúp người bản địa thông thạo địa hình phục vụ cho cuộc sống mưu sinh. Những địa danh này, được bắt nguồn từ các yếu tố *có lí do* (dựa theo đặc điểm tính chất địa hình hay tín ngưỡng... các tín hiệu âm thanh kèm theo một nghĩa nào đó) hoặc *không có lí do*, chỉ ngẫu nhiên đặt một tên gọi cho sự vật để phân biệt sự vật này với sự vật khác (các tín hiệu âm thanh không kèm theo một nghĩa nào cả). Một số địa danh chỉ đối tượng tự nhiên, như: *ɔar* (núi): *ɔar Kuế, ɔar Dliê Yang, ɔar Enun, ɔar Knao, ɔar Trôk Sum, ɔar Bih, ɔar Pang, ɔar Bhiê, ɔar Êdru, ɔar Bir, ɔar Kuat...*; *êa* (suối): *êa Tiêu, êa Nir, êa Nang, êa Kiema, êa Puôi, êa Ktur, êa Niaêch, êa Pũl, êa Non...*

Chẳng hạn, khi nghiên cứu các địa danh ở huyện Cữ Kũi (lẽ ra phải viết là Cữ Kuế) tỉnh Dak Lăk, chúng tôi thấy: có 7/8 xã và có 16/16 buôn chỉ nơi cư trú hành chính bằng tiếng Ê Đê. Các số liệu đã chứng tỏ, địa bàn cư trú đầu tiên thuộc

về người dân bản địa, mà phần lớn là người Ê Đê. Trong số những địa danh này có 4 *buôn hũm* (xã), lấy tên *êa* có nghĩa *suối* để đặt tên như: *Êa Tiêu*, *Êa Ktur*, *Êa Bhôk*, *Êa Hu* và một xã lấy tên núi *chữ Êwi*. Trong 16 buôn có 5/16 buôn lấy tên suối để đặt tên thôn buôn như: *buôn Êa Tiêu*, *buôn Êa H'Ning*, *buôn Êa Mta*, *buôn Êa Khít*, *buôn Êa Ktur*.

Với hình thức lấy tên địa danh tự nhiên đặt tên cho xã, buôn, điều này thể hiện vai trò của yếu tố tự nhiên vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của người dân bản địa. Địa hình sông suối, núi đồi vừa là môi trường sống, vừa là đối tượng lao động chủ yếu để tạo ra sản phẩm bảo đảm cho cuộc sống. Hình tượng núi sông kỳ vĩ ở Tây Nguyên đã góp phần làm nên truyền thống, bản sắc văn hóa độc đáo của người dân trên vùng đất này. Có những biến đổi huyền bí của thiên nhiên, người dân bản địa chưa giải thích được, họ đều lấy tên *yang* (thần) để đặt tên cho địa danh đó.

5. Đặc trưng văn hóa người Ê Đê qua địa danh được thể hiện: địa danh phản ánh văn hóa tín ngưỡng; địa danh phản ánh tiến trình lịch sử và các sự kiện lịch sử; địa danh là cơ sở phát triển môi trường văn hóa du lịch; địa danh tiếng Ê Đê phản ánh không gian sống của người Ê Đê; địa danh phản ánh sự tiếp xúc ngôn ngữ trên địa bàn.

5.1. Địa danh phản ánh văn hóa tín ngưỡng: Cuộc sống của người Ê Đê gắn bó với rừng núi. Bên cạnh những tác động tích cực đối với đời sống con người, thiên nhiên còn là đối tượng mà con người phải chế ngự để sinh tồn. Những lực lượng thiên nhiên mà con người chưa giải thích được, chưa chế ngự được bởi những bí hiểm bất thường của nó mà người dân Ê Đê gọi các lực lượng này là *thần* (Yang), họ đã thờ cúng, tế lễ và đặt tên cho những địa danh gắn với các vị thần như: (buôn hũm - xã): *Dliê Yang*, *Yang Mao*, *Yang Tao...*; (buôn - buôn): *Yang Reh*, *Yang Kang*, *Yang Trum*, *Yang La...*; (chữ - núi): *Yang Gu*, *Yang Sin*, *Yang Lăk*, *Yang Pel*, *Yang Rak*, *Yang Siêng*; (dliê - rừng): *Yang Sing*,...

5.2. Địa danh phản ánh tiến trình lịch sử và các sự kiện lịch sử: Những dấu tích của đại gia đình mẫu hệ còn thể hiện trong tổ chức *buôn làng* của người Ê Đê. Phần lớn các gia đình trong buôn đều có quan hệ về thân tộc ở mức độ xa gần khác nhau. *Buôn* là đơn vị cơ sở, là tổ chức xã hội duy nhất trong thời kỳ đầu. Khi xã hội chưa phát triển, bên cạnh quan hệ cộng đồng (gia đình, buôn, giữa các buôn với nhau), con người ở đây còn có mối quan hệ với thiên nhiên. Các đối tượng tự nhiên là môi trường sống gần gũi của người Ê Đê. Vì vậy, họ đặt tên cho chúng để thể hiện nét văn hóa của dân tộc mình. Đồng thời, người Ê Đê để lại dấu ấn vào tự nhiên để khẳng định chủ quyền của họ. Vì vậy, những địa danh mang yếu tố *chữ*, *êa*, *krông*, *dliê...* là những chứng cứ ghi nhận giai đoạn đầu của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của địa bàn. Địa danh tiếng Ê Đê còn ghi lại tên của những

người con anh hùng của núi rừng Tây Nguyên như: *Ama Jhao, Ama Khê, Y Bih Alêo, Y Jūt, Y Đôn, Y Khu, Y Wang, Y Ngông...* trên đường phố Buôn Ma Thuột. Từ một buôn làng (buôn A Ma Thuột) qua quá trình phát triển, biến đổi... đã trở thành một thành phố Buôn Ma Thuột.

**5.3.** Địa danh là cơ sở phát triển môi trường văn hóa du lịch: Qua địa danh, ta biết được cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm địa hình, địa vật. Trong tổng số 1.513 địa danh chỉ đối tượng tự nhiên trên địa bàn Dak Lăk, Dak Nông, “*gồm 13 con sông, 503 con suối, 78 con khe, 196 ngọn núi, 115 khu rừng, 123 ngọn thác, 31 thung lũng, 128 dốc cao thấp khác nhau đã phản ánh một cách khá đậm nét đặc điểm địa hình, địa chất, thủy văn ở đây*” [Trần Văn Dũng, 2005: 127] ... Những yếu tố như *chữ* (núi), *krông* (sông), *êa* (nước), *dliê* (rừng), *drai* (thác), *chuah* (cát), *chươ* (bãi)... cùng với những đặc điểm sinh thái phong phú đa dạng, bao gồm: hệ thống thực vật: *dliê Têck* (rừng có nhiều cây gỗ tẻch), *dliê Alê* (rừng có nhiều cây le), *chươ Knia* (bãi có nhiều cây kơ nia), *chữ Jūt* (núi có nhiều cây trúc), *drai M'ô* (thác có nhiều cây lồ ô), *drai Săp* (thác có bụi nước bay lên như những làn khói)...; hệ thống động vật: *êa Tuôr* (suối có nhiều ốc), *êa Drang* (suối có nhiều chim phượng hoàng), *êa Drao* (suối có nhiều chim sáo), *êa Kuêñ* (suối có nhiều vượn)... Đó cũng là cơ sở để phát triển môi trường văn hóa du lịch trên địa bàn.

**5.4.** Địa danh tiếng Ê Đê phản ánh không gian sống của người Ê Đê: Qua hệ thống địa danh hai tỉnh Dak Lăk, Dak Nông và kết quả thống kê phân bố địa danh các khu vực theo nguồn gốc ngữ nguyên, chúng tôi nhận thấy: Các cư dân thuộc các dân tộc khác nhau đều có địa bàn cư trú riêng. Tuy ranh giới khu vực hành chính hiện tại có những thay đổi đáng kể so với thời kỳ dưới chế độ cũ, đặc biệt là ở giai đoạn đầu thời kỳ thực dân Pháp xâm lược, song vẫn thấy khá rõ những khu vực định cư chủ yếu của cư dân các dân tộc thuộc hai dòng ngôn ngữ: Môn - Khơ Me và Mã Lai Đa đảo.

So sánh tỉ lệ địa danh tiếng Ê Đê và địa danh bằng tiếng Mơ Nông và cư dân của hai cộng đồng dân tộc này trên địa bàn tỉnh Dak Lăk, Dak Nông, chúng tôi thu được kết quả: Địa danh gốc Ê Đê, huyện Êa H'Leo có 205, Êa Kar có 103, Krông Búk có 160, ba huyện này không có địa danh gốc Mơ Nông, và cũng dường như không có người Mơ Nông đến lập nghiệp từ thời kỳ tiền sử. Một số địa bàn khác, tỉ lệ địa danh bằng tiếng Ê Đê / địa danh bằng tiếng Mơ Nông cũng có tình hình tương tự, như: Krông H'Nang: 116/2, Chử Mgar: 120/1, Krông Păc: 118/2, Mdrak: 181/8, Krông Ana: 155/1, Krông Bông: 162/3, Buôn Ma Thuột: 137/3. Cùng với tên gọi địa danh, các cư dân người Mơ Nông chủ yếu sinh sống theo từng nhóm nhỏ trên địa danh tiếng Mơ Nông.

Khảo sát các địa danh ở tỉnh Dak Nông thì ngược lại, các địa danh bằng tiếng Mơ Nông chiếm tỉ lệ cao so với các địa danh bằng tiếng Ê Đê. Và ở địa phương này người Mơ Nông có dân số đông hơn người Ê Đê. Ví dụ: Tỉ lệ giữa địa danh tiếng Mơ Nông / địa danh tiếng Ê Đê: ở Dak R'lấp là 88/0, Dak Sồng 161/1, Dak Nông 158/14, Dak Mil 27/2. Một số khu vực do có sự cư trú đan xen giữa người Mơ Nông và người Ê Đê nên sự chênh lệch về tỉ lệ địa danh của hai cộng đồng này không quá lớn như: ở Krông Knô: địa danh tiếng Ê Đê là 29, địa danh tiếng Mơ Nông là 37.

Vì vậy, những khu vực có các địa danh mà thành tố chung hay thành tố chung đã chuyển hóa thành tên riêng hoặc một bộ phận của tên riêng trong đó có yếu tố *êa, krông, cũ, dliê* (phường Êa Tam, huyện Êa H'Leo, suối Êa Tam, *krông* Ana, huyện Krông Ana, huyện Cũ Jút, *núi* Dliê Yang) thì đó là địa bàn cư trú của các cư dân dòng ngôn ngữ Mã Lai Đa đảo, mà chủ yếu là hai dân tộc Ê Đê và Gia Rai. Các địa bàn có các yếu tố như *dak, yôk, nâm, bu, bon* (Dak R'lấp, Nâm Nung, Bu Đốp, Bu Nang) là địa bàn cư trú của cư dân dòng ngôn ngữ Môn - Khơ Me, mà chủ yếu là dân tộc Mơ Nông.

**5.5.** Địa danh phản ánh sự tiếp xúc ngôn ngữ trên địa bàn: Sự tiếp xúc ngôn ngữ Ê Đê - Việt đã làm giàu thêm kho từ vựng tiếng Ê Đê và tiếng Việt cũng như ngôn ngữ các dân tộc bản địa khác trên địa bàn. Qua địa danh biểu hiện bản sắc văn hóa - ngôn ngữ của mỗi cộng đồng. Đồng thời khi đi vào hoạt động giao tiếp, các dân tộc ở gần nhau, có sự tiếp xúc giao thoa văn hóa và ngôn ngữ. Vì vậy, địa danh cũng hòa vào nhau một cách hết sức tự nhiên. Các yếu tố vốn là thành tố chung của địa danh tiếng Ê Đê đã chuyển sang thành tố riêng trong phức thể địa danh và chấp nhận thành tố chung là tiếng Việt, như: *êa* Tam → *suối* Êa Tam; *krông* Ana → *sông* Krông Ana, *huyện* Krông Ana... Cũng qua địa danh, chúng ta thấy những dấu vết ngôn ngữ của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh Dak Lăk. Chẳng hạn: nếu người Ê Đê gọi *núi* là *cũ* thì người Mơ Nông gọi núi là *nâm, yôk*. Người Ê Đê gọi *sông* là *krông, suối* hay *nước* nói chung là *êa* thì người Mơ Nông gọi là *dak*. Vì vậy, hiện thực xã hội có thể đổi thay, thậm chí những dấu tích ban đầu có thể bị xoá sạch, nhưng địa danh vẫn trường tồn. Địa danh là tấm bia lịch sử bằng ngôn ngữ.

Tóm lại, Địa danh tiếng Ê Đê có đặc điểm chung của loại hình ngôn ngữ đơn lập, gồm: thành tố chung (được hạn định) và thành tố riêng (hạn định). Các địa danh tiếng Ê Đê khi được chuyển sang địa danh tiếng Việt thì thường bị “thừa” về nghĩa. Những điểm đặc trưng của địa danh tiếng Ê Đê đã và sẽ góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa địa danh với các lĩnh vực khác, như địa lí, lịch sử, văn hóa, chính trị, tổ chức đời sống xã hội... qua các thời kỳ lịch sử ở đây. Thông qua địa danh, người ta có thể hiểu biết về văn hóa tín ngưỡng, tiến trình lịch sử và các sự kiện lịch sử,

không gian sống của người Ê Đê và sự giao thoa, tiếp xúc và sự bảo lưu ngôn ngữ. Địa danh là cơ sở phát triển môi trường văn hóa du lịch và phản ánh quá trình hình thành, phát triển của một địa bàn, một dân tộc.

### Tài liệu tham khảo

1. Bế Viết Đăng, Chu Thái Sơn, 1982, *Đại cương về các dân tộc Ê Đê, Mơ Nông ở Dak Lăk*. Nxb Khoa học xã hội.
2. Đinh Văn Đức, 2001, *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Đoàn Văn Phúc, 1998, *Từ vựng và các phương ngữ Ê Đê*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Trung Hoa, 2003, *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Nguyễn Đức Tồn, 2002, *Tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với dân tộc khác)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Minh Hoạt, 2009, *Đặc điểm địa danh huyện Cư Kuin tỉnh Dak Lăk*, Ngữ học toàn quốc 2009, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam - Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tr. 728 - 734.
7. Nguyễn Tài Cẩn, 1975, *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Nguyễn Văn Khang, 2003, “Vị thế của tiếng Việt đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Từ chủ trương, chính sách đến thực tế”, *Ngôn ngữ* (11), tr. 22 - 33.
9. Phạm Đức Dương, 2007, *Bức tranh Ngôn ngữ - Văn hoá tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Phan Văn Phúc, 1993, *Cấu tạo từ tiếng Ê Đê*, Luận án Phó Tiến sĩ Ngữ văn.
11. Trần Trí Dõi, 2011, *Một vài vấn đề về không gian địa lí của lịch sử tiếng Việt*, Từ điển học và Bách khoa thư (3).
12. Trần Văn Bính, 2004, *Văn hoá các dân tộc Tây Nguyên - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, H.
13. Trần Văn Dũng, 2005, *Những đặc điểm chính của địa danh ở Dak Lăk*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh.